

Số: **41** /BC-ĐHV

Nghệ An, ngày **29** tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
Kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học
Học kỳ 2, năm học 2019 - 2020

Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường;

Căn cứ kết quả đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2019 - 2020, Nhà trường báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện

- Kế hoạch số 55/KH-ĐHV ngày 14/10/2019 về việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học và đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, năm học 2019 - 2020;

- Quyết định số 3429/KH-ĐHV ngày 12/12/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh năm học 2019 - 2020;

- Thông báo số 59/TB-ĐHV ngày 27/4/2020 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính, học kỳ 2 năm học 2019 - 2020.

- Thông báo số 222/ĐHV-CTCTHSSV ngày 18/3/2020 về việc tổ chức lấy ý kiến các đơn vị liên kết đào tạo năm học 2019 - 2020.

2. Đối tượng tham gia

2.1. Sinh viên hệ chính quy từ khóa 56 đến khóa 60 hiện đang học tập trung tại Trường.

2.2. Học viên cao học khoá 27 hiện đang học tập trung tại Trường.

2.3. Học sinh Trường THPT Chuyên (kể cả hệ chất lượng cao) từ lớp 10 đến lớp 12.

2.4. Sinh viên khóa 56 hệ kỹ sư và 57 cử nhân tốt nghiệp đợt tháng 6/2020.

3. Nội dung lấy ý kiến

- Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (Phiếu số 1).

- Lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính (Phiếu số 2).

- Lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2020 (Phiếu số 9).

- Lấy ý kiến từ học viên Cao học về hoạt động giảng dạy và phục vụ của Nhà trường (Phiếu số 4).

- Lấy ý kiến từ học sinh về các hoạt động dạy học của giáo viên Trường THPT Chuyên (Phiếu số 5).

4. Hình thức lấy ý kiến

4.1. Đối với sinh viên hệ chính quy từ khóa 56 đến 60 thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của Nhà trường.

4.2. Đối với học viên cao học; học sinh Trường THPT Chuyên: Thực hiện khảo sát qua địa chỉ Email đã cung cấp.

5. Phương pháp đánh giá

4.1. Người học đánh giá theo mức độ từ 1 đến 4 đối với từng tiêu chí trong phiếu lấy ý kiến.

- Đối với sinh viên hệ chính quy: Người học đánh giá bằng cách kích chuột máy tính vào ô phù hợp trong phiếu lấy ý kiến trực tuyến.

- Đối với học viên Cao học, học sinh Trường THPT Chuyên: nhận được Email mời tham gia khảo sát của Nhà trường và thực hiện theo các bước hướng dẫn.

4.2. Mức độ đánh giá

- Mức độ Tốt: Tiêu chí đáp ứng người học từ 80% trở lên.

- Mức độ Khá: Tiêu chí đáp ứng người học từ 65% đến 79%.

- Mức độ Trung bình: Tiêu chí đáp ứng người học từ 50% đến 64%.

- Chưa đạt: Tiêu chí đáp ứng người học dưới 50%.

6. Thời gian thực hiện

- Đối với sinh viên chính quy: thực hiện khảo sát từ ngày 10/5/2020 đến 25/5/2020.

- Đối với học sinh trường THPT Chuyên, học viên Cao học: thực hiện khảo sát từ ngày 20/6/2020 đến ngày 15/7/2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2, năm học 2019 - 2020 *(Thống kê theo đơn vị) (Xem phụ lục 1).*

- Bảng tổng hợp ý kiến, nhận xét phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của 383 giảng viên học kỳ 2, năm học 2019 - 2020 *(Thống kê theo từng cá nhân).*

2. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2019 - 2020 *(Xem phụ lục 2).*

3. Bảng thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2020 về các hoạt động của Nhà trường *(Xem phụ lục 4).*

4. Báo cáo số 21/BC-ĐHV ngày 17/4/2020 báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến các đơn vị liên kết về công tác đào tạo năm 2020.

(Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp, ý kiến góp ý của người học lưu ở Phòng CTCT-HSSV).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động của Nhà trường theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo là cần thiết trong việc đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chất lượng phục vụ, khẳng định chất lượng dạy và học, phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường.

2. Công tác lấy ý kiến người học được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Giám hiệu Nhà trường, sự phối hợp của các đơn vị liên quan, các viện, khoa đào tạo,

ĐTC

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Trợ lý quản lý học sinh, sinh viên, học viên và Lớp trưởng các lớp học sinh, sinh viên, học viên toàn trường nên đột lấy ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giáo viên, giảng viên; hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 đã đạt được mục đích, yêu cầu và kế hoạch đề ra.

3. Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, vai trò, trách nhiệm của giảng viên đối với người học, trách nhiệm của người học đối với giảng viên. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học đã phản ánh tương đối khách quan hoạt động giảng dạy của giáo viên, giảng viên về những mặt đã làm được và cả những mặt còn tồn tại.

4. Nhìn chung kết quả lấy ý kiến người học ở học kỳ này so với học kỳ 1 năm học 2019 - 2020 thì chỉ số đánh giá của người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính đều có tỷ lệ % mức độ “Tốt” cao hơn.

5. Phòng CTCT-HSSV đã tích cực chủ động xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả khảo sát có độ tin cậy, các báo cáo, thống kê đã cung cấp cho giảng viên, các viện, khoa, tổ bộ môn, Trưởng các đơn vị liên quan và Nhà trường có thêm thông tin để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và hoạt động quản lý.

V. MỘT SỐ TỒN TẠI

1. Do hạn chế của Modul lấy ý kiến người học, một số sinh viên chưa thực hiện việc khảo sát giảng viên theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm chưa thống kê, tổng hợp được.

2. Một số sinh viên chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình trong việc thực hiện lấy ý kiến người học, nên có tư tưởng đối phó khi góp ý kiến, chưa thực hiện đúng quy trình, mục đích, yêu cầu, nội dung của Nhà trường; các ý kiến góp ý còn chưa thực sự mang tính xây dựng, hiến kế để giúp Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ hơn nữa.

3. Do ảnh hưởng của dịch CoVid-19, nên tiến độ lấy ý kiến người học đối với học sinh THPT Chuyên và học viên Cao học khoá 27 còn chậm tiến độ so với kết thúc năm học (*sẽ có báo cáo tổng hợp riêng*).

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chức đoàn thể trong Trường, các khoa, viện đào tạo, các Trường trực thuộc chỉ đạo tuyên truyền, nhắc nhở, quán triệt đến người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến hàng năm đạt kết quả tốt..

2. Nhà trường sớm xây dựng, hoàn thiện phần mềm thực hiện khảo sát lấy ý kiến trực tuyến cho tất cả các đối tượng người học và phụ huynh học sinh để việc khảo sát lấy ý kiến được thuận lợi và dễ dàng trong thống kê, báo cáo, đáp ứng các tiêu chí của Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu.

VII. KẾT LUẬN

1. Về việc cung cấp thông tin và xử lý kết quả lấy ý kiến từ người học:

a) Nhà trường gửi: (1) Thống kê kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên; (2) Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2, năm học 2019 - 2020 được người học đánh giá ở các mức độ: Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt (*sắp xếp theo thứ tự giảng viên có số lượt phiếu và có số lượt câu hỏi trả lời từ cao đến thấp*) cho Viện trưởng, Trưởng khoa thông qua địa chỉ email. Viện trưởng, Trưởng khoa chịu trách nhiệm gửi kết quả cho Trưởng Bộ môn để gửi cho các giảng viên của bộ môn.

b) Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến của người học, giảng viên toàn trường xem xét để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. Đối với các giảng viên có chỉ số đánh giá thấp, Viện trưởng, Trưởng khoa chỉ đạo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch dự giờ trong học kỳ tới để các giảng viên trong bộ môn đánh giá, rút kinh nghiệm giúp giảng viên cải tiến chất lượng giảng dạy.

c) Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị hành chính có chỉ số sinh viên hài lòng thấp phải rà soát lại công tác điều hành, quản lý, rà soát lại đội ngũ cán bộ, viên chức và điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho phù hợp; tiếp thu và sớm giải quyết các ý kiến đề xuất chính đáng của người học (do phòng CTCT-HSSV cung cấp); chấm dứt tình trạng để người học phản ánh về tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, viên chức.

d) Nhà trường đề nghị giảng viên, cán bộ viên chức tiếp tục góp ý kiến cho hoạt động lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh. Các ý kiến góp ý gửi Nhà Trường (*qua ông Hoàng Ngọc Diệp, Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV, email: hndiep2009@gmail.com*).

2. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên ở tất cả các bậc học. Thời điểm lấy ý kiến người học dự kiến được tổ chức trước khi kết thúc học phần 2 tuần của mỗi học kỳ. Nếu sinh viên không thực hiện việc khảo sát, Nhà trường sẽ chuyển danh sách về khoa, viện đào tạo đề nghị xử lý.

3. Đề nghị các đơn vị, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tiếp tục tổ chức quán triệt và tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của việc lấy ý kiến người học trong cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên toàn trường để công tác lấy ý kiến ngày càng đạt hiệu quả cao, góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường. *ju*

Nơi nhận: *✓*

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BTV Đảng ủy, HĐ Trường (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- CĐ trường; Đoàn ĐTN, HSV;
- Lưu HCTH, CTCT-HSSV; *ju*



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 1

Tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên học kì 2, năm học 2019 - 2020

(Kèm theo báo cáo số /BC-DHV ngày /6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Đơn vị	Tổng số câu hỏi được trả lời	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG							
			Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)		Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)		Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)		Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	
			Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %	Số câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %
1	Khoa Giáo dục	50917	46321	91,0	3680	7,2	682	1,3	234	0,5
2	Khoa Giáo dục Quốc phòng	1066	1057	99,2	0	0,0	9	0,8	0	0,0
3	Khoa Giáo dục Thể chất	13394	11159	83,3	1512	11,3	444	3,3	279	2,1
4	Khoa Kinh Tế	64393	54071	84,0	8569	13,3	1318	2,0	435	0,7
5	Khoa Luật	41041	34902	85,0	4723	11,5	970	2,4	446	1,1
6	Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ	39268	33671	85,7	4477	11,4	806	2,1	314	0,8
7	Khoa Xây dựng	11856	10542	88,9	988	8,3	220	1,9	106	0,9
8	Viện CN Hóa sinh - Môi trường	6380	5617	88,0	516	8,1	136	2,1	111	1,7
9	Viện Khoa học xã hội và nhân văn	51208	43069	84,1	6179	12,1	1451	2,8	509	1,0
10	Viện Kỹ thuật và Công nghệ	45121	38150	84,6	5296	11,7	1165	2,6	510	1,1
11	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	3553	3227	90,8	242	6,8	45	1,3	39	1,1
12	Viện Sư phạm Tự nhiên	38521	32440	84,2	4315	11,2	935	2,4	831	2,2
13	Viện Sư phạm Xã hội	8602	7755	90,2	659	7,7	167	1,9	21	0,2
14	Phòng Đào tạo	594	461	77,6	105	17,7	25	4,2	3	0,5
15	Phòng Đào tạo Sau Đại học	33	30	90,9	3	9,1	0	0,0	0	0,0
16	Phòng Thanh tra - Pháp chế	418	369	88,3	48	11,5	1	0,2	0	0,0
17	Thỉnh Giảng	220	179	81,4	19	8,6	11	5,0	11	5,0
18	Trung tâm Công nghệ thông tin	1584	1328	83,8	220	13,9	25	1,6	11	0,7
19	Trường Thực hành Sư phạm	2705	2428	89,8	215	7,9	42	1,6	20	0,7
TỔNG		380874	326776	85,8	41766	11,0	8452	2,2	3880	1,0

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ 2, năm học 2019 - 2020

(Kèm theo báo cáo số /BC-ĐHV ngày /6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Tiêu chí	Số phiếu	Tỷ lệ %
A	I. Cơ sở vật chất của Nhà trường		
1	Hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học đảm bảo điều kiện học tập, rèn luyện, sinh hoạt của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7349	82,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1143	12,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	258	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	77	0,9
e	Chưa tiếp xúc	38	0,4
TỔNG		8865	100
2	Nhà thi đấu TDTT, sân bóng và các khu vực luyện tập, sinh hoạt chung đáp ứng điều kiện học tập, rèn luyện		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7064	79,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1220	13,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	311	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	95	1,1
e	Chưa tiếp xúc	175	2
TỔNG		8865	100
3	Hệ thống vệ sinh công cộng của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6979	78,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1296	14,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	388	4,4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	133	1,5
e	Chưa tiếp xúc	69	0,8
TỔNG		8865	100



4	Hệ thống điện, nước của Nhà trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7153	80,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1223	13,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	311	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	115	1,3
e	Chưa tiếp xúc	63	0,7
TỔNG		8865	100
B	II. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào		
1	Cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7135	80,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1280	14,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	262	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	97	1,1
e	Chưa tiếp xúc	91	1
TỔNG		8865	100
2	Trang thiết bị các phòng đọc, thiết bị hỗ trợ người học trong việc tìm kiếm các tài liệu thông tin cần thiết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7152	80,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1189	13,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	321	3,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	80	0,9
e	Chưa tiếp xúc	123	1,4
TỔNG		8865	100
3	Thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ thư viện đối với bạn đọc		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7075	79,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1205	13,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	346	3,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	106	1,2
e	Chưa tiếp xúc	133	1,5
TỔNG		8865	100
C	III. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm		
1	Trang thiết bị các phòng thực hành - thí nghiệm của Nhà trường đáp ứng đủ điều kiện thực hành, thí nghiệm của người học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6943	78,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1162	13,1

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	312	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	100	1,1
e	Chưa tiếp xúc	348	3,9
TỔNG		8865	100
2	Các thiết bị thực hành - thí nghiệm đều hoạt động tốt và cho kết quả đúng với lý thuyết		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6922	78,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1171	13,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	346	3,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	100	1,1
e	Chưa tiếp xúc	326	3,7
TỔNG		8865	100
3	Thái độ phục vụ của Kỹ thuật viên, giáo viên hướng dẫn thực hành thí nghiệm		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7044	79,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1175	13,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	247	2,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	80	0,9
e	Chưa tiếp xúc	319	3,6
TỔNG		8865	100
D	IV. Các hoạt động khác		
1	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của giảng viên, giáo viên trong quá trình đào tạo.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7177	81
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1181	13,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	348	3,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	106	1,2
e	Chưa tiếp xúc	53	0,6
TỔNG		8865	100
2	Thái độ, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ hành chính trong quá trình đào tạo.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7044	79,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1237	14
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	351	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	123	1,4
e	Chưa tiếp xúc	110	1,3
TỔNG		8865	100

Handwritten signature

3	Việc giải quyết các thủ tục hành chính của Nhà trường đối với người học.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6893	77,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1279	14,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	405	4,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	133	1,5
e	Chưa tiếp xúc	155	1,8
TỔNG		8865	100
4	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7096	80,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1207	13,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	356	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	100	1,1
e	Chưa tiếp xúc	106	1,2
TỔNG		8865	100
5	Việc cung cấp các thông tin nghề nghiệp và việc làm của Nhà trường đối với người học.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7025	79,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1309	14,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	268	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	114	1,3
e	Chưa tiếp xúc	149	1,7
TỔNG		8865	100
E	V. Các đơn vị hành chính, bộ phận và đoàn thể (thời gian, quy trình xử lý công việc; tinh thần, thái độ làm việc, phục vụ của cán bộ, viên chức...)		
1	Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6999	79
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1165	13,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	369	4,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	109	1,2
e	Chưa tiếp xúc	223	2,5
TỔNG		8865	100
2	Phòng Đào tạo		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6923	78,1

b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1152	13
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	369	4,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	120	1,4
e	Chưa tiếp xúc	301	3,4
TỔNG		8865	100
3	Bộ phận một cửa		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6877	77,6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1203	13,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	404	4,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	130	1,5
e	Chưa tiếp xúc	251	2,8
TỔNG		8865	100
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6818	76,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1194	13,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	332	3,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	108	1,2
e	Chưa tiếp xúc	413	4,7
TỔNG		8865	100
5	Phòng Thanh tra - Pháp chế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6817	76,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1103	12,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	254	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	119	1,4
e	Chưa tiếp xúc	572	6,5
TỔNG		8865	100
6	Phòng Quản trị và Đầu tư		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6710	75,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1092	12,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	347	3,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	104	1,2
e	Chưa tiếp xúc	612	6,9
TỔNG		8865	100

7	Trung tâm Công nghệ Thông tin		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6769	76,4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1136	12,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	397	4,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	110	1,3
e	Chưa tiếp xúc	453	5,1
TỔNG		8865	100
8	Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6707	75,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1145	12,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	379	4,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	114	1,3
e	Chưa tiếp xúc	520	5,9
TỔNG		8865	100
9	Trung tâm Đảm bảo chất lượng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6869	77,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1143	12,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	305	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	114	1,3
e	Chưa tiếp xúc	434	4,9
TỔNG		8865	100
10	Đoàn Thanh niên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7032	79,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1204	13,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	284	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	113	1,3
e	Chưa tiếp xúc	232	2,6
TỔNG		8865	100
11	Hội Sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6898	77,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1181	13,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	376	4,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	109	1,2

e	Chưa tiếp xúc	301	3,4
TỔNG		8865	100
12	Nhà xe sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6300	71,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1497	16,9
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	585	6,6
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	246	2,8
e	Chưa tiếp xúc	237	2,7
TỔNG		8865	100
13	Bộ phận vệ sĩ		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6589	74,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1164	13,1
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	398	4,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	126	1,4
e	Chưa tiếp xúc	588	6,6
TỔNG		8865	100
14	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6582	74,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1115	12,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	354	4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	110	1,3
e	Chưa tiếp xúc	704	8
TỔNG		8865	100
15	Phòng Hành chính Tổng hợp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6755	76,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1128	12,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	264	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	113	1,3
e	Chưa tiếp xúc	605	6,8
TỔNG		8865	100
16	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6908	77,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1202	13,6

gtr

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	337	3,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	109	1,2
e	Chưa tiếp xúc	309	3,5
TỔNG		8865	100
17	Trung tâm Nội trú		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6497	73,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1171	13,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	371	4,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	120	1,4
e	Chưa tiếp xúc	706	8
TỔNG		8865	100
18	Trạm Y tế		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6621	74,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1267	14,3
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	430	4,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	121	1,4
e	Chưa tiếp xúc	426	4,8
TỔNG		8865	100
19	Ban Quản lý Cơ sở 2		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6595	74,4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1208	13,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	381	4,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	111	1,3
e	Chưa tiếp xúc	570	6,4
TỔNG		8865	100
20	Nhà ăn và các dịch vụ khác		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	6542	73,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1299	14,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	359	4,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	134	1,5
e	Chưa tiếp xúc	531	6
TỔNG		8865	100

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN CUỐI KHÓA TỐT NGHIỆP NĂM 2020
VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG, NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo báo cáo số /BC-ĐHV ngày /6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Tiêu chí	Số lượt câu hỏi được trả lời	Tỷ lệ %
A	Đánh giá về chương trình đào tạo		
1	Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chuẩn đầu ra		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7462	79,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1519	16,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	299	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	102	1,1
	TỔNG	9382	100
2	Cấu trúc chương trình linh hoạt, thuận lợi cho người học lựa chọn chuyển đổi		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7398	78,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1592	17
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	275	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	117	1,3
	TỔNG	9382	100
3	Nội dung các học phần có tính kế thừa và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của ngành học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7373	78,6
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1573	16,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	311	3,3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	125	1,3
	TỔNG	9382	100
4	Các học phần chú trọng cả kiến thức và kỹ năng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7354	78,4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1611	17,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	302	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	115	1,2
	TỔNG	9382	100

5	Chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7402	78,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1602	17,1
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	248	2,7
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	130	1,4
	TỔNG	9382	100
6	Chương trình đã cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7328	78,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1591	17
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	326	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	137	1,5
	TỔNG	9382	100
B	Đánh giá về đội ngũ giảng viên		
1	Giảng viên có trình độ, kiến thức chuyên môn tốt và thường xuyên cập nhật thông tin mới trong bài giảng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7497	79,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1523	16,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	265	2,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	97	1
	TỔNG	9382	100
2	Giảng viên có trình độ, kiến thức chuyên môn tốt và thường xuyên cập nhật thông tin mới trong bài giảng		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7532	80,3
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1470	15,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	258	2,8
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	122	1,3
	TỔNG	9382	100
3	Giảng viên thông báo đầy đủ tiêu chí đánh giá cho từng học phần		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7570	80,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1427	15,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	269	2,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	116	1,2
	TỔNG	9382	100
4	Giảng viên thường xuyên khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động học tập, thảo luận và thực hành, rèn luyện chuyên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7567	80,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1505	16,1

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	206	2,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	104	1,1
TỔNG		9382	100
5	Giảng viên sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong học tập		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7489	79,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1480	15,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	297	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	116	1,2
TỔNG		9382	100
6	Giảng viên công bằng, khách quan và đánh giá đúng năng lực của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7393	78,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1569	16,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	299	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	121	1,3
TỔNG		9382	100
C	Đánh giá về kết quả học tập của sinh viên		
1	Khóa học cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết về chuyên môn và nghiệp vụ nghề nghiệp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7338	78,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1650	17,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	276	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	118	1,3
TỔNG		9382	100
2	Khóa học giúp anh/chị phát triển những kỹ năng mềm cần thiết cho nghề nghiệp (giao tiếp, trình bày, tổ chức, quản lý, làm việc)		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7328	78,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1645	17,5
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	295	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	114	1,2
TỔNG		9382	100
3	Khóa học giúp anh/chị nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7138	76,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1766	18,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	329	3,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	149	1,6
TỔNG		9382	100

4	Khóa học giúp anh/chị rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7285	77,7
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1651	17,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	319	3,4
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	127	1,4
TỔNG		9382	100
5	Khóa học giúp anh/chị phát triển, nâng cao đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật...		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7418	79,1
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1538	16,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	292	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	134	1,4
TỔNG		9382	100
6	Anh/chị tự tin về khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi ra trường		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7083	75,5
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1798	19,2
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	367	3,9
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	134	1,4
TỔNG		9382	100
D	Đánh giá về tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học		
1	Kế hoạch, thời gian biểu học tập và thi kết thúc học phần được sắp xếp phù hợp		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7306	77,9
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1671	17,8
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	284	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	121	1,3
TỔNG		9382	100
2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và rèn luyện của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7431	79,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1594	17
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	230	2,5
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	127	1,4
TỔNG		9382	100
3	Thư viện của Trường có đủ học liệu đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7430	79,2
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1548	16,5

Handwritten signature

c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	286	3,1
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	118	1,3
TỔNG		9382	100
E	Đánh giá chung		
1	Mức độ hài lòng chung của anh/chị về chương trình đào tạo của ngành đã theo học		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7299	77,8
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1653	17,6
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	298	3,2
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	132	1,4
TỔNG		9382	100
2	Mức độ hài lòng chung của anh/chị về môi trường sống, sinh hoạt, rèn luyện và học tập tại Trường.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7407	79
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1570	16,7
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	280	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	125	1,3
TỔNG		9382	100
3	Mức độ hài lòng của anh/chị về chất lượng phục vụ của Nhà trường đối với sinh viên.		
a	Tốt (Mức độ đáp ứng từ 80 % trở lên)	7357	78,4
b	Khá (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%)	1630	17,4
c	Trung bình (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%)	278	3
d	Chưa đạt (Mức độ đáp ứng dưới 50%)	117	1,3
TỔNG		9382	100

hcs